

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

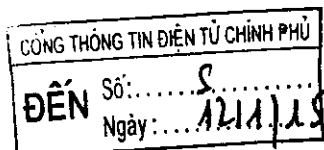
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2014/QĐ-UBND

An Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí
đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BCA-C11 ngày 27 tháng 5 năm 2008 của Bộ Công an hướng dẫn một số điểm về lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng nộp lệ phí:

a) Người đăng ký, quản lý cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú, trừ các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

b) Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên làm thủ tục cấp đổi, cấp lại chứng minh nhân dân, trừ các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

3. Cơ quan thu lệ phí:

a) Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thị xã, thành phố và Công an xã, phường, thị trấn là cơ quan trực tiếp thu lệ phí đăng ký cư trú.

b) Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh là cơ quan trực tiếp thu lệ phí chứng minh nhân dân.

Điều 2. Các trường hợp miễn thu lệ phí

1. Các trường hợp miễn thu lệ phí đăng ký cư trú bao gồm: miễn thu lệ phí khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với: cấp hộ khẩu gia đình, cấp giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể; cấp giấy đăng ký tạm trú có thời hạn.

2. Các trường hợp miễn thu lệ phí chứng minh nhân dân bao gồm: miễn thu lệ phí khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Các trường hợp không thu lệ phí

1. Các trường hợp không thu lệ phí đăng ký cư trú bao gồm:

a) Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ.

b) Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh.

c) Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

d) Hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo.

đ) Công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

e) Đỉnh chính lại địa chỉ do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.

2. Các trường hợp không thu lệ phí chứng minh nhân dân bao gồm:

a) Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ.

b) Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh.

c) Công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

Điều 4. Mức thu lệ phí

1. Mức thu lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân theo phụ lục kèm theo Quyết định này.
2. Trường hợp thực hiện cấp chứng minh nhân dân bằng công nghệ mới thì thực hiện theo Thông tư số 155/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng minh nhân dân mới.

Điều 5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

1. Lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.
2. Cơ quan thực hiện thu lệ phí được trích để lại 30% (ba mươi phần trăm) trên tổng số tiền lệ phí thu được để chi phí cho việc thu lệ phí theo quy định tại Mục IV Thông tư số 06/2008/TT-BCA-C11 ngày 27 tháng 5 năm 2008 của Bộ Công an hướng dẫn một số điểm về lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân. Số còn lại 70% (bảy mươi phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.
3. Chứng từ thu, chế độ tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng lệ phí thực hiện theo Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.
4. Cơ quan thu lệ phí có trách nhiệm niêm yết mức thu lệ phí tại nơi thu lệ phí, thực hiện việc thu lệ phí theo đúng đối tượng, mức thu theo Quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Công an tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan thu lệ phí thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí theo quy định.
2. Cục Thuế có trách nhiệm bảo đảm chứng từ phục vụ cho công tác thu của các cơ quan thu lệ phí; hướng dẫn việc kê khai, thu, nộp, mở sổ sách, chứng từ kế toán và quyết toán lệ phí theo quy định; đồng thời kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.
3. Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý, kiểm tra thu lệ phí theo đúng quy định; tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên

địa bàn tỉnh; đồng thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Công an tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế, Thủ trưởng các Sở, ban ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận: *✓*

- Bộ Tài chính (b/c);
- Website Chính phủ, Cục Kiểm tra VB (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Báo, Đài PTTH, Website An Giang;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: HCTC, P. TH, TT. Công báo - Tin học.



[Signature]
Hồ Việt Hiệp



PHỤ LỤC

Mức thu lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân

theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND

ngày 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

Số TT	Công việc thực hiện	Mức thu
I	Lệ phí đăng ký cư trú:	
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú:	
	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc	15.000 đồng/lần đăng ký
	- Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại	7.000 đồng/lần đăng ký
2	Cấp mới, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú:	
	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc	20.000 đồng/lần cấp
	- Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại	10.000 đồng/lần cấp
3	Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu chủ hộ vì lý do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường, số nhà:	
	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc	10.000 đồng/lần cấp
	- Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại	5.000 đồng/lần cấp
4	Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú:	
	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc	8.000 đồng/lần đính chính
	- Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại	4.000 đồng/lần đính chính
II	Lệ phí cấp lại, đổi chứng minh nhân dân (không bao gồm tiền ảnh của người được cấp chứng minh nhân dân):	
	- Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc	9.000 đồng/lần cấp
	- Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã còn lại	4.000 đồng/lần cấp